

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **08**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110001	LA KHẢ ÁI	11A2	
2	110002	BÙI NGŨ KIM ÁI	11A5	
3	110003	ĐÀO MAI AN	11A1	
4	110004	NGÔ HUỠNH MINH AN	11A1	
5	110005	ĐẶNG LÂM PHÚC AN	11A10	
6	110006	NGUYỄN VÕ THÀNH AN	11A2	
7	110007	NGUYỄN LỢI THẢO AN	11A3	
8	110008	PHẠM AN AN	11A5	
9	110009	PHẠM NGUYỄN THỤY AN	11A6	
10	110011	BÙI NGUYỄN MINH ANH	11A1	
11	110012	CHÂU HÀ TRÚC ANH	11A1	
12	110013	NGUYỄN THÁI HÀ ANH	11A1	
13	110014	PHẠM HUỠNH PHƯƠNG ANH	11A1	
14	110015	VÕ TRÂM ANH	11A1	
15	110016	VŨ ĐOÀN LAN ANH	11A1	
16	110017	LÂM QUỲNH ANH	11A10	
17	110018	LÊ HOÀNG LAN ANH	11A10	
18	110019	NGUYỄN HUỠNH PHƯƠNG ANH	11A10	
19	110020	LÊ NGUYỄN HUỠNH ANH	11A2	
20	110021	NGUYỄN PHAN ANH	11A2	
21	110022	PHẠM TUẤN ANH	11A2	
22	110023	TRÀ TUẤN ANH	11A3	
23	110024	TRẦN THỊ VÂN ANH	11A3	
24	110025	KIỀU ĐỨC ANH	11A4	
25	110026	LÊ NHẬT ANH	11A4	
26	110027	TRẦN THỊ LAN ANH	11A4	
27	110028	KIỀU MINH ANH	11A5	
28	110029	ĐẶNG HOÀNG ANH	11A6	
29	110030	NGUYỄN TRẦN TRÂM ANH	11A6	
30	110037	PHAN HUỠNH ANH	11A9	
31	110038	TRẦN LOAN ANH	11A9	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **09**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110039	TRẦN MỸ ANH	11A9	
2	110040	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11A9	
3	110042	TRẦN NGỌC GIA BẢO	11A4	
4	110043	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	11A6	
5	110047	VÕ DIỄM BÌNH	11A1	
6	110048	ĐẶNG DUY BÌNH	11A10	
7	110049	NGUYỄN BẢO CHÂU	11A5	
8	110050	VÕ NGỌC MINH CHÂU	11A9	
9	110051	ĐÀO HẢI ĐĂNG	11A1	
10	110052	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	11A3	
11	110053	ĐẶNG MINH ĐẠT	11A4	
12	110054	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	11A5	
13	110055	TRẦN VĂN ĐẠT	11A5	
14	110058	NGUYỄN HOÀNG KIỀU DIỄM	11A6	
15	110060	LÂM ĐÌNH ĐÌNH	11A2	
16	110062	MAI TIẾN ĐOÀN	11A1	
17	110063	LA NGUYỄN KHẢ DOANH	11A5	
18	110064	NGUYỄN AN ĐÔNG	11A2	
19	110065	TRẦN MINH ĐỨC	11A6	
20	110066	LÊ NGỌC ÁNH DƯƠNG	11A3	
21	110067	LÊ ÁNH DƯƠNG	11A5	
22	110070	PHẠM PHƯỚC DUY	11A1	
23	110071	TRẦN QUANG DUY	11A10	
24	110072	NGUYỄN NHỰT DUY	11A5	
25	110073	NGUYỄN QUỐC DUY	11A6	
26	110074	NGUYỄN HUY BẢO DUY	11A9	
27	110075	TẤT TRẦN KHÁNH DUYÊN	11A6	
28	110077	NGUYỄN NGỌC HÀ	11A10	
29	110078	PHAN HỒNG HÀ	11A4	
30	110079	VŨ THỊ THU HÀ	11A4	
31	110080	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HÀ	11A5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **10**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110083	LƯU GIA HÂN	11A1	
2	110084	ĐẶNG NGỌC HÂN	11A10	
3	110085	LÊ NGỌC GIA HÂN	11A2	
4	110086	DANH NGỌC KHÁNH HÂN	11A3	
5	110087	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	11A3	
6	110088	TRƯƠNG NGỌC HÂN	11A4	
7	110089	TRIỆU GIA HÂN	11A5	
8	110090	HUỶNH GIA HÂN	11A6	
9	110091	NGUYỄN DANH GIA HÂN	11A6	
10	110093	TÔ NGUYỄN GIA HÂN	11A9	
11	110094	LÊ NGUYỄN THANH HẰNG	11A3	
12	110095	NGUYỄN LÊ NGUYỆT HẰNG	11A9	
13	110096	LÂM NHẬT HÀO	11A2	
14	110097	LÊ CÔNG HÀO	11A6	
15	110098	NGUYỄN HÀO	11A9	
16	110099	NGUYỄN PHÚC HẬU	11A10	
17	110100	NGUYỄN HỒ ĐỨC HIẾU	11A4	
18	110101	VƯƠNG BÁCH HOA	11A3	
19	110102	NGUYỄN QUÁCH HUY HOÀNG	11A2	
20	110104	NGUYỄN VIỆT HỒNG	11A9	
21	110105	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	11A1	
22	110106	HUỶNH PHƯỚC HÙNG	11A4	
23	110107	LÊ HUỶNH CHẤN HÙNG	11A5	
24	110108	HÀ XUÂN HƯƠNG	11A2	
25	110109	HUỶNH VIỆT HƯƠNG	11A3	
26	110110	TRẦN QUANG HUY	11A10	
27	110111	NGUYỄN HOÀNG HUY	11A4	
28	110112	NGUYỄN VIỆT HUY	11A4	
29	110113	TRẦN GIA HUY	11A5	
30	110116	LÊ THỊ TRÚC HUYỀN	11A10	
31	110117	TRẦN NGỌC NHÃ HUỶNH	11A9	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110118	HUỖNH QUANG KHẢI	11A2	
2	110119	PHAN ĐÌNH KHẢI	11A3	
3	110120	LÂM PHÚC KHANG	11A11	
4	110121	LÊ HOÀNG KHANG	11A1	
5	110122	ĐƯƠNG GIA KHANG	11A2	
6	110123	HUỖNH PHÚC KHANG	11A2	
7	110124	PHẠM PHÚC AN KHANG	11A2	
8	110125	VŨ ĐỨC HOÀNG KHANG	11A4	
9	110126	HUỖNH HỮU THỊNH KHANG	11A6	
10	110127	TRẦN MINH KHANG	11A6	
11	110130	HÀ LÊ AN KHÁNH	11A6	
12	110133	LÊ TRẦN CÁT KHÁNH	11A9	
13	110134	LÊ VŨ KIM KHÁNH	11A9	
14	110135	NGUYỄN HẠO KHIÊM	11A6	
15	110136	LƯƠNG DUY KHOA	11A10	
16	110137	CHÂU ĐĂNG KHOA	11A4	
17	110138	LÊ ĐĂNG KHOA	11A5	
18	110140	ĐẶNG HOÀNG KHÔI	11A3	
19	110141	NGUYỄN MINH KHÔI	11A6	
20	110142	PHAN ANH KHÔI	11A6	
21	110145	TRẦN MINH KHUÊ	11A9	
22	110146	ĐỖ TRẦN TRUNG KIÊN	11A3	
23	110147	TRỊNH TRUNG KIÊN	11A3	
24	110149	PHAN TUẤN KIẾT	11A3	
25	110150	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	11A1	
26	110151	TÔ HOÀNG KIM	11A4	
27	110154	LÊ TRÚC LAM	11A9	
28	110155	ĐƯ TUỆ LÂM	11A1	
29	110156	LÝ THÙY LÂM	11A1	
30	110157	TRẦN NGỌC BẢO LAN	11A2	
31	110158	VŨ HOÀNG LINH	11A11	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **12**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110159	HUYỀNH NGUYỄN NHẬT LINH	11A1	
2	110160	NGUYỄN ĐỒNG GIA LINH	11A1	
3	110161	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH LINH	11A10	
4	110162	NGUYỄN NGỌC GIA LINH	11A10	
5	110163	ĐỖ HOÀNG KHÁNH LINH	11A4	
6	110164	HỒ XUÂN LỘC	11A4	
7	110166	NGÔ GIA LỘC	11A9	
8	110167	NGUYỄN VÕ HẢI LONG	11A3	
9	110168	HỒ HOÀNG LONG	11A4	
10	110169	NGUYỄN HOÀNG LONG	11A4	
11	110170	NGUYỄN THANH THIÊN LONG	11A5	
12	110171	VĂN NGỌC KHÁNH LY	11A10	
13	110172	NGUYỄN NGỌC ÁI LY	11A4	
14	110173	NGUYỄN VŨ CÁT LY	11A5	
15	110174	NGUYỄN XUÂN MAI	11A3	
16	110175	LAI TRẦN XUÂN MAI	11A4	
17	110178	LÊ HOÀNG MINH	11A11	
18	110179	THÁI TRIẾT MINH	11A6	
19	110183	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	11A1	
20	110184	NGUYỄN NGỌC DIỄM MY	11A10	
21	110185	DƯƠNG KHÁNH NAM	11A4	
22	110186	HOÀNG NHẬT NAM	11A5	
23	110189	TRƯƠNG NHƯ NGÀ	11A2	
24	110190	LÊ NGỌC NGÂN	11A11	
25	110191	NGUYỄN THÚY NGÂN	11A11	
26	110192	LÊ THỊ HỒNG NGÂN	11A1	
27	110193	LÊ NGUYỄN DIỄM NGÂN	11A10	
28	110194	LÊ THỊ KIM NGÂN	11A5	
29	110195	NGUYỄN THỊ THẢO NGÂN	11A5	
30	110196	NGUYỄN HỒ THANH NGÂN	11A6	
31	110200	PHẠM VƯƠNG THẢO NGHI	11A10	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **13**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110201	LÝ ÁI NGHI	11A3	
2	110203	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	11A11	
3	110204	ĐOÀN HOÀI NGHĨA	11A4	
4	110205	NGÔ TẤN NGOAN	11A1	
5	110206	LÂM BẢO NGỌC	11A11	
6	110207	DƯ THANH NGỌC	11A1	
7	110208	NGUYỄN HUỲNH NHƯ NGỌC	11A1	
8	110209	BÙI THỊ KIM NGỌC	11A10	
9	110210	LÂM BẢO NGỌC	11A10	
10	110211	LÊ BẢO NGỌC	11A2	
11	110212	NGUYỄN VÔ NGỌC	11A2	
12	110213	LÊ KHÁNH NGỌC	11A3	
13	110214	NGUYỄN NHƯ MỸ NGỌC	11A3	
14	110215	PHẠM NGUYỄN YẾN NGỌC	11A5	
15	110216	BÙI BẢO NGỌC	11A6	
16	110217	VÕ MINH NGỌC	11A6	
17	110221	NGUYỄN BẢO NGỌC	11A9	
18	110222	NGUYỄN HỒ NHƯ NGỌC	11A9	
19	110223	TRẦN ĐOÀN BẢO NGỌC	11A9	
20	110224	NGUYỄN QUỐC NGUYỄN	11A2	
21	110225	VĨNH BẢO THANH NGUYỄN	11A5	
22	110226	LÊ VÕ PHÚC NGUYỄN	11A9	
23	110227	LƯU GIA NGUYỄN	11A5	
24	110228	LÂM NHƯ Ý NGUYỄN	11A5	
25	110229	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	11A3	
26	110230	HỒ THIÊN NHÂN	11A4	
27	110231	HUỲNH LA ĐẠI NHÂN	11A6	
28	110235	HỒ TRUNG NHÂN	11A9	
29	110236	NGUYỄN CHÍ NHÂN	11A9	
30	110237	CAO MINH NHẬT	11A4	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **14**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110238	DƯƠNG MINH NHẬT	11A6	
2	110239	ĐẶNG HOÀNG XUÂN NHI	11A1	
3	110240	NGUYỄN NGỌC NHI	11A2	
4	110241	TẶNG KIM NHI	11A2	
5	110242	VÕ TRẦN THIÊN NHI	11A3	
6	110243	THÁI NGUYỄN LAN NHI	11A5	
7	110244	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	11A10	
8	110245	NGUYỄN THÙY BẢO NHƯ	11A5	
9	110247	LÊ HỒNG NHƯ	11A9	
10	110248	TRẦN HUỖNH NHƯ	11A9	
11	110250	SỬ PHƯƠNG OANH	11A3	
12	110251	TRƯƠNG TẤN PHÁT	11A11	
13	110252	ĐOÀN MINH PHÁT	11A3	
14	110253	TRƯƠNG TẤN PHÁT	11A4	
15	110256	NGUYỄN PHAN TẤN PHÁT	11A9	
16	110257	HUỖNH LONG PHI	11A11	
17	110258	NGUYỄN THANH PHONG	11A10	
18	110259	NGUYỄN TRẦN DUY PHONG	11A5	
19	110261	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A1	
20	110262	LÝ HUỖNH PHÚC	11A3	
21	110263	NGUYỄN ĐỖ QUANG PHÚC	11A3	
22	110264	LÊ MINH PHÚC	11A4	
23	110265	NGUYỄN BẢO GIA PHÚC	11A5	
24	110266	NGUYỄN PHẠM HOÀNG PHÚC	11A5	
25	110267	PHAN THỊ NHƯ PHÚC	11A5	
26	110268	NGUYỄN LÂM SONG PHÚC	11A6	
27	110269	NGUYỄN LÊ GIA PHÚC	11A6	
28	110270	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚC	11A6	
29	110271	TRẦN LÊ DIỄM PHÚC	11A6	
30	110273	NGUYỄN HỒNG THIÊN PHÚC	11A9	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **15**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110274	TRƯƠNG PHI THÚY PHỤNG	11A3	
2	110276	NGUYỄN HUỲNH YẾN PHƯƠNG	11A11	
3	110277	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	11A3	
4	110278	TRẦN NGUYỄN YẾN PHƯƠNG	11A3	
5	110279	VÕ MINH PHƯƠNG	11A6	
6	110280	NGUYỄN MINH QUÂN	11A1	
7	110281	TRẦN THÁI NGỌC QUÂN	11A10	
8	110282	NGUYỄN ANH QUÂN	11A2	
9	110283	TRẦN MINH QUÂN	11A3	
10	110284	THÂN HOÀNG MINH QUÂN	11A6	
11	110285	NGUYỄN TIỀN QUANG	11A3	
12	110286	PHAN QUỐC QUY	11A5	
13	110287	TRẦN MINH QUÝ	11A9	
14	110288	CHU LÊ HOÀNG QUYÊN	11A1	
15	110289	LƯƠNG VÕ HOÀNG QUYÊN	11A2	
16	110290	NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	11A2	
17	110291	VĂN NGỌC BẢO QUYÊN	11A2	
18	110293	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11A1	
19	110294	TRẦN NHƯ QUỲNH	11A3	
20	110295	LÊ NGỌC TRÚC QUỲNH	11A6	
21	110298	TRẦN QUỐC SANG	11A10	
22	110299	BÙI HOÀNG SANG	11A2	
23	110300	HUỲNH MINH SANG	11A4	
24	110302	LƯU HẢI SƠN	11A2	
25	110303	NGUYỄN ANH TÀI	11A11	
26	110304	VÕ TRẦN TUẤN TÀI	11A10	
27	110305	NGUYỄN THANH TÀI	11A4	
28	110306	HUỲNH TẤN THÀNH TÀI	11A9	
29	110307	ĐẬU PHƯƠNG TÂM	11A5	
30	110308	BÙI MINH TÂM	11A9	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110309	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	11A9	
2	110310	PHẠM MINH TÂM	11A9	
3	110312	NGUYỄN QUỐC THẮNG	11A3	
4	110313	TRẦN QUYẾT THẮNG	11A4	
5	110314	VÕ NGỌC ĐAN THANH	11A10	
6	110315	VÕ TÂM THANH	11A10	
7	110317	NGUYỄN VIỆT THANH	11A9	
8	110318	THÁI ĐỨC THÀNH	11A11	
9	110319	BÙI TRẦN THÀNH	11A3	
10	110320	TRƯƠNG PHÚ THÀNH	11A4	
11	110321	BÙI PHÚ THÀNH	11A6	
12	110322	NGUYỄN VŨ THIÊN THÀNH	11A6	
13	110325	NGUYỄN DẠ THẢO	11A2	
14	110326	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11A4	
15	110327	NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO	11A4	
16	110328	TRƯƠNG LÊ PHÚC THẢO	11A4	
17	110329	LÊ PHẠM NGỌC THẢO	11A6	
18	110330	PHAN THỊ MỸ THI	11A10	
19	110331	NGUYỄN MINH THIÊN	11A3	
20	110332	PHAN HỒNG THỊNH	11A1	
21	110333	VÕ PHÚ THỊNH	11A10	
22	110334	NGUYỄN THÁI THỊNH	11A2	
23	110335	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	11A5	
24	110338	LÊ VŨ QUỲNH THƠ	11A10	
25	110339	NGUYỄN ANH THƠ	11A10	
26	110340	NGUYỄN HOÀNG BẢO THƠ	11A2	
27	110341	NGUYỄN NGỌC BÌNH THƠ	11A3	
28	110342	ĐẶNG NGỌC AN THƠ	11A5	
29	110344	NGUYỄN QUỐC THÔNG	11A9	
30	110345	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	11A2	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **17**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110346	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	11A2	
2	110347	TRƯƠNG NGUYỄN ANH THƯ	11A3	
3	110348	LÊ HOÀNG MINH THƯ	11A4	
4	110349	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	11A4	
5	110350	NGUYỄN TRANG THƯ	11A6	
6	110351	TRẦN MINH THƯ	11A6	
7	110354	VÕ TRẦN QUỐC THUẬN	11A11	
8	110355	LÊ MAI THANH THÚY	11A5	
9	110356	BÙI THANH THỦY	11A1	
10	110357	TRẦN NGỌC MINH THÙY	11A2	
11	110358	NGUYỄN NGỌC ANH THY	11A10	
12	110359	NGÔ NGUYỄN BẢO THY	11A2	
13	110360	NGUYỄN PHẠM BẢO THY	11A2	
14	110361	NGUYỄN QUỲNH THY	11A3	
15	110364	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	11A1	
16	110365	NGUYỄN MINH NHƯ TIÊN	11A6	
17	110367	NGUYỄN MINH TIÊN	11A1	
18	110368	VÕ MINH TIÊN	11A2	
19	110369	TRƯƠNG CHÍ TIÊN	11A3	
20	110370	TẶNG ANH TIÊN	11A6	
21	110373	NGUYỄN DƯƠNG TẤN TIÊN	11A5	
22	110374	TRẦN TRỌNG TÍN	11A10	
23	110375	VÕ THÁI TRUNG TÍN	11A6	
24	110376	LÂM TRUNG TÍN	11A9	
25	110377	NGÔ HUỲNH NGỌC TRÂM	11A10	
26	110378	PHAN THỊ BÍCH TRÂM	11A10	
27	110379	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	11A2	
28	110380	NGUYỄN HÀ TRÂM	11A4	
29	110381	LÝ BẢO TRÂM	11A5	
30	110382	NGUYỄN NGỌC TRÂM	11A6	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **18**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110384	VÕ THỊ KIỀU TRÂN	11A3	
2	110385	NGUYỄN NGỌC NHÃ TRÂN	11A5	
3	110386	TRẦN THÁI TRÂN	11A6	
4	110388	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	11A1	
5	110390	ĐỖ PHƯƠNG TRANG	11A9	
6	110391	NGUYỄN NGỌC UYÊN TRANG	11A9	
7	110392	TRANG QUỐC TRÍ	11A4	
8	110393	NGUYỄN VŨ GIA TRÍ	11A5	
9	110394	LÊ MINH TRIẾT	11A6	
10	110396	NGUYỄN BÙI HOÀNG TRÚC	11A1	
11	110397	NGUYỄN PHAN HUỲNH NGỌC TRÚC	11A3	
12	110398	NGUYỄN QUỐC TRUNG	11A4	
13	110400	TRẦN CÔNG TRƯỜNG	11A6	
14	110401	NGUYỄN NAM TUẤN	11A4	
15	110403	TRỊNH HOÀNG TÙNG	11A4	
16	110404	VÕ TƯỜNG	11A5	
17	110406	DƯƠNG CÁT TƯỜNG	11A9	
18	110407	NGUYỄN CÁT TƯỜNG	11A9	
19	110408	PHẠM LÊ ĐAN TUYỀN	11A6	
20	110409	LƯƠNG NGỌC TUYỀN	11A2	
21	110410	NGUYỄN THANH TUYỀN	11A6	
22	110411	PHAN HIẾU ƯỚC	11A5	
23	110412	LÊ MINH UYÊN	11A10	
24	110413	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	11A10	
25	110414	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	11A2	
26	110415	NGUYỄN ĐỨC MINH UYÊN	11A4	
27	110416	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	11A6	
28	110417	TRƯƠNG THANH VÂN	11A3	
29	110418	TRẦN THỊ KIỀU VI	11A3	
30	110421	NGUYỄN PHƯƠNG VY	11A11	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **19**

Môn: **SINH HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110422	TRẦN NGỌC PHƯƠNG VY	11A11	
2	110423	LÂM NGUYỄN TƯỜNG VY	11A1	
3	110424	LƯU KHẢ VY	11A1	
4	110425	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VY	11A1	
5	110426	NGUYỄN LAN VY	11A1	
6	110427	NGUYỄN TƯỜNG VY	11A1	
7	110428	PHAN NGUYỄN THẢO VY	11A1	
8	110429	LÂM YẾN VY	11A10	
9	110430	LÊ NGỌC THÚY VY	11A10	
10	110431	NGUYỄN HỒNG VY	11A10	
11	110432	LÊ HOÀNG XUÂN VY	11A2	
12	110433	NGUYỄN HỒNG VY	11A2	
13	110434	LÊ BÙI KHÁNH VY	11A3	
14	110435	TRẦN VÕ ĐAN VY	11A4	
15	110436	VŨ NGỌC MINH VY	11A4	
16	110437	ĐẶNG NGUYỄN TƯỜNG VY	11A5	
17	110438	NGUYỄN NHẬT VY	11A5	
18	110441	HUỲNH KHẢ VY	11A9	
19	110442	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG VY	11A9	
20	110443	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	11A10	
21	110444	TRẦN QUỲNH NHƯ Ý	11A3	
22	110445	TRẦN NHƯ Ý	11A4	
23	110447	HỒ NHƯ Ý	11A9	
24	110448	LÊ NGỌC NHƯ Ý	11A9	
25	110449	LÂM BÌNH YẾN	11A5	
26	110450	NGUYỄN NGÔ XUÂN YẾN	11A5	
27	110451	NGUYỄN NGỌC HẢI YẾN	11A1	
28	110452	NGUYỄN PHI YẾN	11A4	
29	110453	NGUYỄN NGỌC HẢI YẾN	11A5	
30	110454	NGUYỄN NGỌC MINH YẾN	11A6	